

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TÚC QUYỂN 15

Phẩm 7: SÁU PHÁP, Phần 1

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử lại bảo đại chúng: Quý thầy nên biết! Đức Phật đối với pháp sáu điều, chính Ngài hiểu biết rất rõ ràng thông suốt mọi lẽ, sau đó mới đem ra chỉ bày giảng dạy cho các đệ tử. Nay chúng ta nên hòa hợp mà kiết tập ôn lại, để sau khi Phật diệt độ thì không có sự tranh cãi nhau. Và chúng ta cần nên tu phạm hạnh và tuân hành luật pháp để làm lợi ích lâu dài cho vô lượng chúng hữu tình. Nên thương xót hàng trời người ở thế gian, khiến họ thấu nhận được nhiều lợi ích an lạc cao quý.

Sáu pháp là gì? Trong đây có hai bài kệ tụng:

Bài kệ (Ốt-đà-nam) thứ nhất nói:

Một: Sáu pháp có mười

Là nội, ngoạ, thức, xúc

Và thọ, tưởng, tư, ái

Thoái, chẳng thoái đều sáu.

Gồm có: Sáu lĩnh vực bên trong, sáu lĩnh vực bên ngoài, sáu thức của thân, sáu xúc chạm của thân, sáu căn thọ của thân, sáu tưởng của thân, sáu tư của thân, sáu ái của thân, sáu pháp thuận thoái, sáu pháp không thuận thoái.

Sáu lĩnh vực bên trong:

1. Lĩnh vực bên trong của mắt.
2. Lĩnh vực bên trong của tai.
3. Lĩnh vực bên trong của mũi.
4. Lĩnh vực bên trong của lưỡi.
5. Lĩnh vực bên trong của thân.
6. Lĩnh vực bên trong của ý.

Hỏi: Thế nào là lĩnh vực bên trong của mắt?

Đáp: Như mắt đối với các sắc đã thấy, đang thấy và sẽ thấy, hoặc

các thứ giống như nó thì gọi là lĩnh vực bên trong của mắt.

Về các thứ lĩnh vực bên trong của tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng tùy chỗ mà trình bày thật rõ ràng.

Sáu lĩnh vực bên ngoài:

1. Lĩnh vực sắc bên ngoài.
2. Lĩnh vực tiếng bên ngoài.
3. Lĩnh vực hương bên ngoài.
4. Lĩnh vực vị bên ngoài.
5. Lĩnh vực xúc chạm bên ngoài.
6. Lĩnh vực pháp bên ngoài.

Hỏi: Thế nào là lĩnh vực sắc bên ngoài?

Đáp: Nghĩa là sắc nào đã bị mất hoặc nhìn thấy, hiện đang nhìn thấy hay sẽ nhìn thấy hoặc những thứ giống như thế thì gọi là lĩnh vực bên ngoài của sắc.

Về các thứ lĩnh vực ở ngoài của tiếng, hương, vị, xúc chạm, pháp thì nên tùy chỗ mà rộng nói.

Sáu thức của thân:

1. Nhãn thức của thân.
2. Nhĩ thức của thân.
3. Tỷ thức của thân.
4. Thiệt thức của thân.
5. Thân thức của thân.
6. Ý thức của thân.

Hỏi: Thế nào là nhãn thức của thân?

Đáp: Mắt và các sắc làm điều kiện sinh ra nhãn thức. Trong đó mắt là tăng thượng (vai trò chính) còn sắc là đối tượng. Đối với sắc thì mắt nhận biết rõ các thứ về tánh liễu biệt, tánh rất liễu biệt và phân biệt rõ ràng về các tính chất của các sắc. Đó gọi là nhãn thức của thân.

Còn các thứ thức của thân như: nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thì nên tùy nơi mà trình bày kỹ.

Sáu xúc của thân:

1. Nhãn xúc của thân.
2. Nhĩ xúc của thân.
3. Tỷ xúc của thân.
4. Thiệt xúc của thân.
5. Thân xúc của thân.
6. Ý xúc của thân.

Hỏi: Thế nào là nhãn xúc của thân?

Đáp: Mắt và các sắc làm điều kiện sinh ra nhãn thức. Ba cái đó hòa hợp nhau lại mà gọi là xúc (tiếp xúc). Ở đây mắt là chủ thể nhận biết, sắc là đối tượng được nhận biết). Khi mắt nhận biết các sắc thì đối tượng phải có những tiếp xúc cùng tiếp xúc, tính chất của tiếp xúc..., đã tiếp xúc và đang tiếp xúc. Đó gọi là mắt là cái để thân tiếp xúc.

Còn về các thứ để thân tiếp xúc như nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thì tùy chỗ trình bày kỹ.

Sáu thứ nhận biết (thọ) của thân:

1. Mắt tiếp xúc khiến thân nhận biết.
2. Tai tiếp xúc khiến thân nhận biết.
3. Mũi tiếp xúc khiến thân nhận biết.
4. Lưỡi tiếp xúc khiến thân nhận biết.
5. Thân tiếp xúc khiến thân nhận biết.
6. Ý tiếp xúc khiến thân nhận biết.

Hỏi: Thế nào là mắt tiếp xúc khiến thân nhận biết?

Đáp: Mắt và các sắc làm điều kiện sinh ra nhãn thức. Ba thứ hòa hợp lại gọi là xúc. Xúc là điều kiện nên có nhận biết (thọ). Trong đây mắt là tăng thượng (quan trọng nhất, chủ động), các sắc là đối tượng, sự tiếp xúc của mắt làm nhân sự tiếp xúc của mắt hoạt động (khởi) giống loại của mắt tiếp xúc sinh ra của nhãn xúc. Khi sự tiếp xúc của mắt hoạt động mà có sự tương ứng với ý nghĩ, có ý thức (tác ý) thì khi mắt nhận biết các sắc sẽ có được các thọ (sự cảm xúc nhận biết) các thọ ở hiện tại, ở quá khứ và ở vị lai. Thế nên gọi mắt tiếp xúc khiến thân nhận biết.

Đối với các thứ tiếp xúc khiến thân nhận biết về nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thì nên tùy chỗ mà trình bày kỹ.

Sáu thứ tướng của thân:

1. Mắt tiếp xúc sinh ra tướng của thân.
2. Tai tiếp xúc sinh ra tướng của thân.
3. Mũi tiếp xúc sinh ra tướng của thân.
4. Lưỡi tiếp xúc sinh ra tướng của thân.
5. Thân tiếp xúc sinh ra tướng của thân.
6. Ý tiếp xúc sinh ra tướng của thân.

Hỏi: Thế nào là mắt tiếp xúc sinh ra tướng của thân?

Đáp: Mắt và các sắc làm điều kiện sinh ra nhãn thức. Cả ba thứ hòa hợp lại gọi là xúc. Xúc làm điều kiện nên có tướng. Ở đây mắt là tăng thượng sắc là đối tượng. Sự tiếp xúc của mắt làm nhân, sự tiếp xúc của mắt hoạt động, các giống loại của nhãn xúc, sự sinh ra của nhãn

xúc. Khi nhãn xúc hoạt động thì có tác ý (có ý thức, ý nghĩ) tương ứng, nên khi mắt nhận biết các sắc thì có các tướng hoạt động. Các tướng trong hiện tại, các tướng đã qua và các tướng sắp tới. Thế nên gọi là mắt tiếp xúc sinh ra các tướng của thân.

Đối với các thứ tiếp xúc sinh ra các tướng của thân và tai, mũi, lưỡi thân ý thì tùy chỗ mà trình bày kỹ.

Sáu thứ tư (tư duy) của thân:

1. Mắt tiếp xúc sinh ra tư của thân.
2. Tai tiếp xúc sinh ra tư của thân.
3. Mũi tiếp xúc sinh ra tư của thân.
4. Lưỡi tiếp xúc sinh ra tư của thân.
5. Thân tiếp xúc sinh ra tư của thân.
6. Ý tiếp xúc sinh ra tư của thân.

Hỏi: Thế nào là mắt tiếp xúc sinh ra tư của thân?

Đáp: Mắt và các sắc làm điều kiện sinh ra nhãn thức. Cả ba thứ hòa hợp lại gọi là xúc. Xúc làm điều kiện nên có tướng. Trong đó mắt là tăng thượng, sắc là đối tượng. Sự tiếp xúc của mắt làm nhân, sự tiếp xúc của mắt hoạt động (khởi). Các giống loại của nhãn thức, sự sinh ra của nhãn thức. Khi nhãn xúc hoạt động thì có tác ý (ý nghĩ, có ý thức) tương ứng, nên khi mắt nhận biết các sắc thì có các tư hoạt động. Các tư trong hiện tại, các tư đã qua và các tư sắp tới mà tạo ra các nghiệp của tâm ý. Thế nên gọi là mắt tiếp xúc thì sinh ra các tư của thân.

Còn các thứ tiếp xúc sinh ra các tư của thân về nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thì nên tùy chỗ mà trình bày kỹ.

Sáu thứ mền yêu của thân:

1. Mắt tiếp xúc khiến thân mền yêu.
2. Tai tiếp xúc khiến thân mền yêu.
3. Mũi tiếp xúc khiến thân mền yêu.
4. Lưỡi tiếp xúc khiến thân mền yêu.
5. Thân tiếp xúc khiến thân mền yêu.
6. Ý tiếp xúc khiến thân mền yêu.

Hỏi: Thế nào là mắt tiếp xúc khiến thân mền yêu?

Đáp: Mắt và các sắc làm điều kiện sinh ra nhãn thức. Cả ba thứ hòa hợp lại gọi là xúc (tiếp xúc). Xúc làm điều kiện khiến có nhận biết (thọ), thọ làm điều kiện nên khiến có mền yêu. Trong đây mắt là tăng thượng, các sắc là đối tượng. Đối với các sắc mắt nhận biết, nên sinh ra các tham lam ham thích, rồi bám lấy giữ gìn, cất giấu, đam mê, yêu mền. Đó là mắt tiếp xúc khiến thân yêu thích.

Còn các thứ tiếp xúc khiến thân yêu thích của tai, mũi, lưỡi, thân, ý thì nên tùy chỗ mà trình bày kỹ.

Sáu pháp thuận theo lui sụt:

1. Chẳng cung kính chư Phật.
2. Chẳng cung kính chánh pháp.
3. Chẳng cung kính chư tăng.
4. Chẳng cung kính việc học hỏi.
5. Đầy đủ lời nói ác.
6. Chơi với bạn dữ.

Hỏi: Thế nào là chẳng cung kính chư Phật? Thế nào là bản chất không cung kính Phật?

Đáp: Có tính chất không cung kính chư Phật Thế Tôn, không cung kính tánh bình đẳng, không thích hợp với tánh tự tại, không thỏa hợp cùng tánh bình đẳng tự tại. Đó gọi là tánh không cung kính chư Phật.

Đối với chánh pháp, đối với Tăng và với sự học hỏi thì cũng như thế.

Đầy đủ lời nói ác. Thế nào là tính chất lời nói ác? Như trước đây đã nói về lời nói ác (ác ngữ).

Chơi với bạn ác. Thế nào là tính chất bạn ác? Như trước đây đã nói về bạn ác.

Sáu pháp thuận không lui sụt:

1. Sống cung kính chư Phật.
2. Sống cung kính chánh pháp.
3. Sống cung kính chư Tăng.
4. Sống cung kính sự học hỏi.
5. Đầy đủ lời nói thiện.
6. Chơi với bạn lành.

Hỏi: Sống cung kính chư Phật. Thế nào là có tánh cung kính chư Phật?

Đáp: Là có tính chất cung kính chư Phật Thế Tôn, tánh có cung kính, có thích hợp với tánh tự tại, có lo sợ sự theo đuổi, đối tánh tự tại. Đó gọi là có tánh cung kính chư Phật.

Đối với chánh pháp, đối với Tăng, đối với sự học hỏi cũng như thế.

Hỏi: Đầy đủ lời nói thiện. Thế nào là tính chất lời nói thiện?

Đáp: Lời nói thiện như trước đây đã nói đầy đủ.

Hỏi: Chơi với bạn lành. Tính chất bạn lành là sao?

Đáp: Bạn lành chính là Phật và đệ tử của Ngài hay rộng nói cho

đến các việc làm có tính cách lia bỏ sự ngu si, hay hạnh điều phục chế ngự ngu si. Đó là tính chất của bạn lành. Đối với các bạn lành như thế mà gần gũi rèn tập, thân thiết giao du, cung kính thờ phụng hầu hạ..., thì đó gọi là chơi với (gặp gỡ) bạn lành.

Bài tụng (Ốt-đà-nam) thứ hai nói:

Sau sáu pháp: mười bốn

Là hỷ ưu xả hằng

Giới xuất căn hỷ thông

Minh niệm thượng quán loại.

Gồm có: Sáu hành vui gần, sáu hành lo gần, sáu hành buông xả gần, sáu thứ luôn an trụ, sáu giới, sáu cõi xuất ly, sáu pháp tránh căn, sáu pháp đáng mừng, sáu thông, sáu phần tưởng thuận sáng, sáu tùy niệm, sáu pháp vô thượng, sáu quán đãi, sáu loại sinh.

Sáu hành vui gần:

1. Mắt thấy sắc thuận vui hành sắc gần.
2. Tai nghe tiếng thuận vui hành tiếng gần.
3. Mũi ngửi mùi thuận vui hành mùi gần.
4. Lưỡi nếm vị thuận vui hành vị gần.
5. Thân biết chạm thuận vui hành xúc gần.
6. Ý hiểu pháp thuận vui hành pháp gần.

Mắt thấy sắc thuận vui hành sắc gần, nghĩa là khi mắt thấy sắc rồi thì đối với sắc cứ một mực đáng yêu thích, vui mừng, vừa ý thỏa lòng nhưng với sắc đó cứ mãi vui mừng khởi ý nghĩ suy hoài. Nếu cứ vui vẻ nghĩ tới lui như thế thì sinh ra hỷ thọ (cảm xúc vui). Thế nên gọi là mắt thấy sắc thuận vui hành sắc gần.

Đối với các thứ tai, mũi, lưỡi, thân, ý vui hạnh gần cũng như thế.

Sáu hành lo gần:

1. Mắt thấy sắc thuận lo hành sắc gần.
2. Tai nghe tiếng thuận lo hành tiếng gần.
3. Mũi ngửi mùi thuận lo hành mùi gần.
4. Lưỡi nếm vị thuận lo hành vị gần.
5. Thân biết chạm thuận lo hành xúc gần.
6. Ý hiểu pháp thuận lo hành pháp gần.

Mắt thấy sắc thuận lo hành sắc gần, nghĩa là khi mắt đã thấy sắc rồi thì đối với sắc cứ một mực chẳng đáng yêu thích, vui mừng, vừa ý thỏa lòng. Và vì đối với sắc đó cứ mãi lo buồn khởi ý suy nghĩ hoài. Nếu cứ lo buồn nghĩ tới lui như thế thì sẽ sinh ra ưu thọ (cảm xúc buồn lo). Thế nên nói mắt thấy sắc thuận lo hành sắc gần. Đối với các thứ tai,

mũi, lưỡi, thân, ý lo hành gần cũng như thế.

Sáu hành buông xả gần:

1. Mắt thấy sắc thuận buông xả hành sắc gần.
2. Tai nghe tiếng thuận buông xả hành tiếng gần.
3. Mũi ngửi mùi thuận buông xả hành mùi gần.
4. Lưỡi nếm vị thuận buông xả hành vị gần.
5. Thân biết chạm thuận buông xả hành xúc chạm gần.
6. Ý hiểu pháp thuận buông xả hành pháp gần.

Mắt thấy sắc thuận buông xả hành sắc gần, là khi mắt thấy sắc rồi thì đối với sắc đó không có việc đáng hay chẳng đáng mến yêu, vui mừng, vừa ý thỏa lòng chi cả. Vì đối với sắc ấy nó thuận với sự buông xả chẳng để ý suy tư nhớ nghĩ chi nên sinh ra xả thọ (cảm xúc trơ, không vui buồn). Thế nên nói mắt thấy sắc thuận buông xả hành sắc gần.

Đối với các thứ tai, mũi, lưỡi, thân, ý buông xả hành gần cũng như thế.

Sáu thứ luôn an trụ:

1. Mắt thấy sắc chẳng vui, chẳng buồn, đủ niệm chánh tri, luôn an trụ vào buông xả.
2. Tai nghe tiếng không vui không buồn đủ niệm chánh tri luôn an trụ vào buông xả.
3. Mũi ngửi mùi không vui không buồn đủ niệm chánh tri luôn an trụ vào buông xả.
4. Lưỡi nếm vị không vui không buồn, đủ niệm chánh tri, luôn an trụ vào buông xả.
5. Thân biết xúc chạm, không vui không buồn đủ niệm chánh tri luôn an trụ vào buông xả.
6. Ý hiểu pháp không vui không buồn, đủ niệm chánh tri, luôn an trụ vào buông xả.

Mắt thấy sắc mà không vui không buồn đủ niệm chánh tri luôn an trụ vào buông xả, là mắt thấy sắc đối với việc đáng yêu thích vui mừng hài lòng thỏa ý thì không yêu thích vui mừng hài lòng thỏa ý, hoặc là nương nhờ, hoặc tất cả đều không gián đoạn, hoặc là duyên vào đó, ở vào đó (đối tượng duyên, sở xứ) hoặc là sắc tăng thượng mà thuận với sự buông xả khởi ý suy nghĩ. Nếu đối với loại sắc đó mà luôn khởi ý nghĩ mãi tới sự buông xả thì sinh ra diệu xả, tức sự buông xả tuyệt diệu nhiệm mầu. Thế nên nói mắt thấy mà không vui không buồn, đủ niệm chánh tri, luôn an trụ vào buông xả.

Đối với các thứ tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà luôn an trụ thì cũng như

thế.

Trong đây nói về buông xả là sao? Nói buông xả tức là chỉ cho tâm có tánh bình đẳng tâm có tánh chánh trực ngay thẳng, tâm không kinh sợ mà nhanh nhẹn tháo vác.

Lại có chỗ nói: Sáu thức tương ứng cùng duyên nơi các cảnh của sắc-thanh-hương-vị-xúc-pháp mà có xả thọ (cảm xúc buông xả) thì gọi là buông xả. Nay nghĩa trong đây là ý nói đến xả của tâm bình đẳng, tâm ngay thẳng, tâm không kinh sợ mà lại nhanh nhẹn tháo vác, lại luôn xả thì gọi là xả.

Có sáu lĩnh vực (Giới):

1. Lĩnh vực của đất.
2. Lĩnh vực của nước.
3. Lĩnh vực của lửa.
4. Lĩnh vực của gió.
5. Lĩnh vực của hư không.

6. Lĩnh vực của thức. Nên lĩnh vực của phân biệt các lĩnh vực này đúng pháp uẩn luận.

Có sáu lĩnh vực xuất ly:

1. Như có một thầy bảo: Đối với định tâm từ, dù tôi đã luyện tập tu hành và cố gắng làm đủ mọi cách, nhưng tâm tôi hã còn bị giận dữ trói chặt. Hãy nên bảo vị ấy: Đừng nên nói như thế! Vì sao? Vì nếu vị nào đối với định tâm từ mà rèn luyện tu hành và làm đủ mọi cách với vô niệm mà tâm người ấy cũng còn bị giận dữ trói chặt thì không thể nào có chuyện đó được! Vì ai đã có định tâm từ thì nhất quyết là phải xuất ly vượt thoát ra ngoài tất cả mọi sự trói buộc của giận dữ.

Xuất ly ở đây là sao? Khi đoạn dứt sự trói cột của giận dữ cũng gọi là xuất ly, khi vượt thoát được sự trói buộc của giận dữ cũng gọi là xuất ly, những người có định tâm từ cũng gọi là xuất ly. Nay nghĩa trong đây ý nói chữ xuất ly của những kẻ có định tâm từ.

2. Như có thầy bảo: Đối định tâm bi, dù tôi đã luyện tập tu hành và cố gắng làm đủ mọi cách, nhưng tâm tôi vẫn còn bị sự tàn hại trói chặt. Hãy nên bảo vị ấy đừng nên nói như thế! Vì sao? Vì nếu vị nào đối với định tâm bi mà rèn luyện tu hành và làm đủ mọi cách với vô niệm nhưng tâm người ấy cũng còn bị tàn hại trói chặt thì đều đó không thể nào có! Vì nếu ai đã có định tâm bi thì nhất quyết là phải xuất ly vượt thoát khỏi tất cả mọi sự trói buộc của tàn hại.

Xuất ly ở đây có nghĩa thế nào? Dứt hẳn sự ràng buộc của tàn hại cũng gọi là xuất ly, vượt thoát sự ràng buộc của tàn hại cũng gọi là xuất

ly, các người có định tâm bi cũng gọi là xuất ly. Nay nghĩa trong đây ý nói những kẻ có định tâm bi gọi là xuất ly.

3. Như có thầy bảo: Đối với định tâm hỷ tôi đã rèn luyện tu tập và làm đủ mọi cách nhưng tâm tôi vẫn còn bị sự không vui (chẳng an lạc) trói chặt. Hãy nên bảo với thầy đó: Đừng nên nói như thế! Vì sao? Vì nếu vị nào đối với định tâm hỷ mà đã rèn luyện tu tập và cố gắng làm đủ mọi cách với vô niệm nhưng tâm người ấy vẫn còn bị không an lạc trói chặt thì điều đó không thể nào có được. Vì nếu đã có định tâm hỷ thì nhất quyết là phải xuất ly vượt thoát tất cả mọi sự trói chặt của sự không vui (an lạc).

Trong đây xuất ly là nghĩa thế nào? Đoạn dứt chẳng vui cũng gọi là xuất ly, vượt thoát khỏi sự không vui cũng gọi là xuất ly. Các người có định tâm hỷ cũng gọi là xuất ly. Nay nghĩa trong đây ý nói người có định tâm hỷ gọi là xuất ly.

4. Có thầy lại bảo: Đối với định tâm xả, dù tôi đã rèn luyện tu tập và đã làm đủ mọi cách nhưng tâm tôi vẫn còn bị dục, tham và sân trói chặt. Hãy nên bảo với thầy đó: Đừng nên nói như thế! Vì sao? Vì nếu vị nào đối với định tâm xả mà rèn luyện tu tập và đã làm đủ mọi cách, với vô niệm, nhưng tâm người ấy vẫn còn bị dục tham và sân trói chặt, thì điều đó không thể nào xảy ra được. Vì nếu ai đã có định tâm xả thì nhất quyết là phải xuất ly vượt khỏi tất cả mọi trói buộc của dục tham và sân giận.

Chữ xuất ly ở đây có nghĩa thế nào? Đoạn dứt hẳn dục tham và sân cũng gọi là xuất ly, vượt thoát mọi dục tham và sân cũng gọi là xuất ly. Các định tâm xả thì cũng gọi là xuất ly. Nay nghĩa trong đây ý muốn nói cái xuất ly có định tâm xả.

5. Có thầy lại bảo: Đối với tâm định vô tướng, dù tôi đã rèn luyện tu tập và đã làm đủ mọi cách, nhưng tâm tôi vẫn còn bị trói chặt của thức tùy tướng. Hãy nên bảo với vị đó: Đừng nói như thế! Vì sao? Vì nếu vị nào đối với tâm định vô tướng đã rèn luyện tu tập và đã làm đủ mọi cách, với vô niệm nhưng tâm người ấy vẫn còn bị thức tùy tướng ràng buộc chặt thì điều này không thể nào xảy ra được. Vì nếu ai đã định tâm vô tướng thì nhất quyết là phải xuất ly vượt thoát tất cả thức tùy tướng.

Chữ xuất ly ở đây có nghĩa như thế nào? Dứt hết thức tùy tướng cũng gọi là xuất ly, vượt khỏi thức tùy tướng cũng gọi là xuất ly, có được định tâm vô tướng cũng gọi là xuất ly. Nay nghĩa trong đây ý muốn nói cái xuất ly khi có được định tâm vô tướng.

6. Lại có thầy bảo: Dù tôi đã lìa bỏ ngã mạn, không còn nhìn thấy ngã và ngã sở, nhưng tâm tôi vẫn còn bị tên độc của nghi ngờ do dự trói chặt và làm tổn hại. Xin nói với vị đó: Đừng nên nói như thế! Vì sao? Vì nếu vị nào đã lìa bỏ hết ngã mạn, không còn thấy ngã và ngã sở với vô niệm nhưng tâm người ấy vẫn còn bị tên độc của nghi ngờ do dự trói chặt và làm tổn hại thì điều đó không thể nào xảy ra được. Vì nếu ai đã lìa bỏ ngã mạn, không còn nhìn thấy ngã và ngã sở thì nhất quyết là phải xuất ly vượt thoát các tên độc của nghi ngờ do dự.

Chữ xuất ly ở đây có nghĩa như thế nào? Dứt hẳn ngã mạn cũng gọi là xuất ly, vượt thoát khỏi ngã mạn cũng gọi là xuất ly. Nay nghĩa trong đây ý nói về xuất ly khi đã vượt thoát khỏi ngã mạn.

Có sáu thứ gốc tranh cãi:

1. Có một số người hay giận dữ. Vì nếu có giận dữ thì đối với bậc Đại sư không thể nào cung kính, cúng dường tôn trọng, ngợi khen được. Do vậy mà không hiểu được chánh pháp. Nếu không thấy được chánh pháp thì còn đoái hoài gì đến đời sống của Sa-môn? Nếu không đoái hoài đến đời sống của Sa-môn thì liền khởi lên sự đam mê nhiễm, mãi đùa giỡn tranh cãi. Do bám dựa vào lối sống đó nên làm cho nhiều chúng sinh không được nghĩa lý lợi ích mà phải chịu nhiều khổ não, vô lượng hàng trời, người cũng không hưởng được lợi ích mà phải chịu nhiều sự khổ não. Nếu quý thầy thấy rõ được các cội gốc tranh cãi hoặc ở trong hay ở ngoài có chỗ nào chưa đoạn trừ, thì hãy nên hòa hợp tu tập mà siêng năng chuyên cần tìm đủ mọi phương cách mà đoạn trừ, không nên chơi bời phóng dật nữa. Quý thầy cần nên đoạn thật hết sạch các cội gốc tranh cãi, đừng để sót tí nào như trước đây hãy còn thanh tịnh chưa khởi gốc tranh cãi. Quý thầy đã thấy rõ hoặc trong hoặc ngoài, các gốc tranh cãi đã được đoạn trừ thật hết rồi thì nên phát khởi lên chánh niệm và chánh tri. Và với tâm hăng hái mạnh mẽ luôn siêng năng chuyên cần gìn giữ khiến cho mãi đến đời sau nó vĩnh viễn không bao giờ hiện ra nữa, thì đó là chánh đoạn, đoạn diệt khéo léo tài tình các gốc tranh cãi như thế.

2. Đây là có giận hờn. Còn như nếu có che giấu buồn phiền, nếu có ganh ty keo kiệt, nếu có dối trá dua nịnh, nếu có tà kiến đảo kiến (thấy biết sai lầm) thì cũng rộng nói như thế.

Lại có một số người chấp chặt vào quan điểm chấp thật cứng chắc bền bỉ không thể nào khuyên dạy không bỏ được. Nếu ngoan cố như thế thì đối với bậc Đại sư không thể nào cung kính cúng dường tôn trọng ngợi khen được. Do vậy không thể thấy được chánh pháp. Nếu chẳng

thấy được chánh pháp thì đâu có đoái hoài chi tới đời sống của bậc Sa-môn. Nếu không đoái hoài đến đời sống của bậc Sa-môn thì liền khởi đam mê nhiễm trước, mãi lo chơi bời và tranh cãi. Vì chỉ sống trong đam mê nhiễm trước, tranh cãi nên khiến bao nhiêu chúng sinh không được nghĩa lý lợi ích mà phải chịu nhiều khổ não, vô số hàng trời người cũng không hưởng nhờ nghĩa lý lợi ích mà phải chịu bao nhiêu khổ não. Nếu quý thầy đã thấy rõ gốc tranh cãi đó hoặc trong hoặc ngoài có chỗ nào chưa đoạn trừ hết thì hãy nên hòa hợp tụ tập lại mà siêng năng chuyên cần cố tìm mọi phương cách để đoạn diệt cho thật hết sạch, không nên chơi bời phóng dật nữa. Quý thầy cũng nên cố gắng diệt thật hết gốc tranh cãi đừng để sót tí nào, như trước đây hãy còn thanh tịnh chưa khởi gốc tranh cãi. Quý thầy khi đã thấy rõ hoặc trong hay ngoài các gốc tranh cãi đều đã được đoạn diệt thật hết rồi thì hãy phát khởi chánh niệm và chánh tri. Và với lòng hăng hái mạnh mẽ, luôn siêng năng chuyên cần gìn giữ, khiến cho tận mãi ở đời sau nó vĩnh viễn không còn sinh lại nữa. Thì đó là chánh đoạn, đoạn diệt khéo léo tài tình các gốc tranh cãi như thế.

3. Đây là nói về người có giận hờn, còn như nếu có che giấu, buồn rầu, nếu có ganh tỵ keo kiệt, nếu có lừa dối đua nịnh, nếu có thấy biết điên đảo sai lầm, thì tất cả đều như trước vừa nói.

4. Có tà kiến đảo kiến (có thấy biết điên đảo sai lầm).

Thế nào là tà kiến? Nếu có thấy biết mà chẳng chịu bố thí ban tặng, không cúng lễ, không mến thích..., rộng nói cho đến đời ta đến đây đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, chẳng còn phải kiếp sau nữa, không biết lý đó thì gọi đó là tà kiến.

5. Còn đảo kiến là sao? Tức là có tà kiến và sự thấy biết lầm lẫn nghịch lý ngược đời.

6. Chấp giữ sự thấy biết của mình, chấp giữ thật cứng chắc bền bỉ, rất khó khuyên dạy buông bỏ được.

Thế nào là chấp chặt quan điểm mình? Chấp ngã và thế gian này thường còn mãi, chỉ có điều đó là đúng thực, các điều khác là ngu dốt, sai lầm, hư vọng. Rộng nói cho đến việc chấp: Như Lai sau khi chết rồi không phải có mà cũng không phải không có, chỉ có điều này là đúng thực, các ý kiến khác đều ngu dốt, sai lầm, hư vọng. Đó gọi là chấp chặt quan điểm mình.

Thế nào là chấp giữ thật cứng chắc bền bỉ? Tức là do chấp chặt quan điểm mình thế nên khởi lên chấp chặt cứng chắc bền bỉ.

Thế nào là khó buông bỏ khuyên dạy? Do khởi lên sự mến thích,

mến thích luôn luôn, mến thích tất cả, hiện đang mãi mãi mến thích quan điểm mình. Thế nên rất khó khuyên dạy sự chán ghét, lia bỏ và giải thoát.

Có sáu pháp đáng mừng:

1. Như có vị Bí-sô, ở chỗ bậc Đại sư và các bậc trí đồng tu phạm hạnh mà phát khởi tu thân nghiệp từ bi, đó là pháp đáng mừng thứ nhất. Do pháp này cho nên hay phát sinh ra sự đáng mến yêu, đáng tôn trọng, đáng vừa ý, và dẫn đến mọi sự mến thích tôn trọng vừa ý thỏa lòng nên thân giữ được sự vui mừng hoan lạc một mực không hề trái nghịch tranh cãi nhau.

2. Lại có vị Bí-sô ở chỗ bậc Đại sư và các bậc có trí đồng tu phạm hạnh mà phát khởi sự tu ngữ nghiệp từ bi. Đó là pháp đáng mừng thứ hai. Do pháp này cho nên hay phát sinh ra sự đáng yêu mến. Rộng nói cho đến một mực không hề tranh cãi.

3. Lại có vị Bí-sô ở chỗ bậc Đại sư và các bậc trí đồng tu phạm hạnh mà khởi tu ý nghiệp từ bi tức là pháp đáng mừng thứ ba. Do pháp này cho nên hay phát sinh ra sự đáng yêu mến. Rộng nói cho đến một mực không hề tranh cãi.

4. Lại có vị Bí-sô do nhờ pháp mà thân nhận một số lợi dưỡng hợp pháp, ít nhất như các thức ăn uống nhận được trong bát khi khát thực. Với số lợi dưỡng này thì cùng với các bậc trí đồng tu phạm hạnh chia nhau mà thọ hưởng chung, chứ không hề giấu riêng. Đó gọi là pháp đáng mừng thứ tư. Do pháp này cho nên phát sinh ra sự đáng yêu mến. Rộng nói cho đến một mực không hề tranh cãi.

5. Lại có vị Bí-sô có bao nhiêu giới hạnh không hề thiếu sót, không lẫn lộn. Đáng được ứng cúng (cúng dường) là bậc thiện không chấp trước, bậc thiện rất ráo, đáng được các người trí khen ngợi không hề chê bai hủy báng. Với các giới hạnh như thế cùng với các bậc trí đồng tu phạm hạnh, cùng nhau thọ trì tuân giữ không hề giấu giếm. Đó là pháp đáng mừng thứ năm. Do pháp này cho nên phát sinh ra các sự đáng yêu mến. Rộng nói cho đến một mực không hề tranh cãi.

6. Lại có vị Bí-sô có những nhận thức, sự thấy biết là sự xuất ly của Thánh nhân (Phật) có thể khéo thông đạt thấu suốt tất cả, nếu thật hiện được cách đó thì chính thức dứt hết các khổ. Với sự thấy biết như thế cùng với các bậc trí đồng tu phạm hạnh, cùng nhau tu tập không che giấu. Đó là pháp đáng mừng thứ sáu. Do pháp này cho nên phát sinh ra các sự đáng yêu mến, đáng tôn trọng, đáng thích ý. Có thể dẫn đến mọi sự yêu thích, tôn trọng vừa ý thỏa lòng nên thân nhận được sự vui mừng

hoan không hề trái nghịch tranh cãi.

Đối với bậc Đại sư. Thế nào là Đại sư? Đại sư là chỉ cho tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Các bậc trí đồng tu phạm hạnh. Thế nào là các bậc trí đồng tu phạm hạnh? Các bậc trí đồng tu phạm hạnh là chỉ cho các Tôn giả Giải Kiều Trần Na cho đến rộng kể các vị khác nữa...

Khởi tu thân nghiệp về từ bi. Thân nghiệp từ bi là sao? Tức là những hoạt động phần chấn, thương xót mọi loài của thân nghiệp. Trong đây ý nói thân nghiệp từ bi ở chỗ các bậc Đại sư là những kẻ trí đồng tu phạm hạnh thì nó hòa hợp trong cuộc sống hiện tại. Do đó nên nói là ở chỗ bậc Đại sư và các bậc trí đồng tu phạm hạnh mà khởi tu thân nghiệp từ bi. Đó là pháp đáng mừng thứ nhất. Nghĩa là với pháp đó thì nên tùy thuận theo đuổi và đáng mến thích cung kính cúng dường nuôi lớn thân thể đẹp đẽ trang nghiêm với mọi thứ vật dụng cần thiết. Thế nên gọi là pháp đáng mừng.

Có thể (hay) phát sinh sự đáng yêu mến, tức là do pháp này mà có thể phát sinh sự đáng yêu mến.

Cũng do pháp này mà có thể phát sinh các sự đáng tôn trọng, đáng vừa ý.

Có thể dẫn đến mọi sự đáng yêu tôn trọng thích ý thỏa lòng nên thân giữ được sự mừng vui hoan lạc một mực không hề trái nghịch tranh cãi. Nghĩa là chính do pháp này dẫn đến sự mến yêu tôn trọng, vừa ý vui lòng để nhận được sự mừng vui hoan lạc không hề trái nghịch tranh cãi, nghĩa là hòa hợp thuận thảo nhau.

Nói là một mực (nhất thú), là một cảnh, một cõi, một môi trường hoàn cảnh hiện tại (vị).

Cũng như thân nghiệp từ bi, các ngữ nghiệp và ý nghiệp từ bi cũng y như thế.

Nhờ chánh pháp mà nhận được các lợi dưỡng hợp pháp là sao? Nếu các lợi dưỡng nào chẳng do lừa dối mà được, chẳng do dối trá lừa đảo, chẳng do giả bộ hiện tượng đang hoàng, chẳng do kích thích mà có được, cũng chẳng phải do vị lợi dưỡng cố ý mong cầu lợi dưỡng mà được và cả ngay trong lúc thọ dụng lại không có tạo ra những lỗi lầm tội lỗi nào thì đó gọi là nhờ chánh pháp mà nhận được các lợi dưỡng.

Ít nhất là các thức ăn uống nhận được trong bát, nghĩa là các thức ăn uống dưới đáy bát còn chia nhau thọ dụng hướng là tiền bạc và các vật dụng khác...

Tất cả các thứ lợi dưỡng này đều cùng các bậc trí đồng tu phạm

hạnh. Cùng chung thọ dụng không giấu giếm dùng riêng, tức là các lợi dưỡng do chánh pháp mà thân nhận được một cách hợp lý thì gọi là “các thứ lợi dưỡng này”. Nếu các Bí-sô, Bí-sô ni cùng các người chánh thức có tu học siêng năng chuyên cần, dù là nam nữ cư sĩ thì đều gọi là các người có trí đồng tu phạm hạnh. Nhờ chánh pháp mà được các lợi dưỡng hợp pháp thì nên cùng với các người trí đồng tu phạm hạnh mà chung nhau thọ dụng, chẳng nên giấu giếm để dùng riêng.

Nên gọi là pháp đáng mừng thứ tư, như đã được nói rõ ở trước.

Có bao nhiêu giới hạnh là sao? Tức là có thân nghiệp, ngữ nghiệp vô lậu và đời sống thanh tịnh, tất cả đều gọi là có giới hạnh không thiếu sót, không lẫn lộn xen tạp, nghĩa là các giới hạnh này luôn luôn được tuân hành vâng giữ và chuyển đổi, cùng bình đẳng thi hành và chuyển đổi, cho nên gọi là không thiếu sót lẫn xen tạp bản.

Đáng cúng dường (ứng cúng), nghĩa là các hữu tình nào còn tham sân si thì nói là cấp dưỡng, còn những ai đã lìa bỏ được tham sân si, thì gọi là ứng cúng, đáng được nhận thọ mỗi thứ cấp dưỡng như y phục, thức ăn uống, ngọa cụ giường nằm, thuốc men thường đem đến dâng cúng dường.

Không chấp trước, là các đệ tử Phật đối với giới hạnh không khởi lên sự chấp trước.

Thiện rất ráo, là đối với các giới hạnh này khéo léo cẩn thận kỹ lưỡng giữ gìn đến cùng cực rất ráo.

Khéo nhận được, là đối với các giới hạnh này mà ân cần tôn trọng cung kính, giữ gìn cẩn thận thì đủ, nhận được các bậc trí khen ngợi không chê bai hủy báng.

Nghĩa là chư Phật và các đệ tử Phật thì gọi là bậc Trí, các bậc trí này đều cùng ngợi khen, không hề quở trách.

Với các giới hạnh như thế thì cùng các bậc trí đồng tu Phạm hạnh chung nhau tuân giữ thọ trì không hề che giấu.

Giới hạnh như thế là sao? Nghĩa là các giới bình đẳng, giới bình đẳng chính là tám Thánh đạo, trong đó chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng thì gọi là giới bình đẳng, cùng các bậc trí đồng tu Phạm hạnh, tức là các Tôn giả Giải Kiều Trần Na v.v...

Cùng tuân giữ thọ trì, không hề che giấu, là cùng các bạn đồng tu Phạm hạnh, cùng chung một mục đích đường lối, cùng một nghĩa lý lợi ích, nó đều giống nhau cả.

Gọi là pháp đáng mừng thứ năm. Như trước đã nói rồi.

Có bao nhiêu nhận thức, sự thấy biết là sao? Nếu y vào sự xuất ly,

mà lìa bỏ sự sinh ra các pháp thiện thì đối với các pháp tướng, các pháp tuyến chọn càng tuyến chọn kỹ lưỡng cùng cực, cho đến rộng nói...

Là sự xuất ly của Thánh nhân (Phật v.v...) thì như trước đã rộng nói.

Với sự thấy biết đó mà cùng với bậc trí đồng tu Phạm hạnh cùng chung tu học không hề che giấu.

Thế nào là sự thấy biết như thế? Nghĩa là sự thấy biết về bình đẳng, tức là sự thấy biết và tám Thánh đạo vậy. Còn các điều khác thì như trước đã nói. Đó là sáu pháp đáng mừng.

Có sáu pháp thần thông:

1. Thần cảnh trí chứng thông.
2. Thiên nhĩ trí chứng thông.
3. Tha tâm trí chứng thông.
4. Túc trụ trí chứng thông.
5. Tử sinh trí chứng thông.
6. Lậu tận trí chứng thông.

- Thế nào là Thần cảnh trí chứng thông?

Đáp: Là lãnh thọ hiểu biết và thị hiện biến hóa ra mọi thứ thần thông biến hóa..., cho đến rộng nói.

Chữ thông ở đây có nghĩa thế nào? Nghĩa là đối với các thứ thần thông biến hóa đó thì có trí biết rất tuyệt diệu.

- Thế nào là Thiên nhĩ trí chứng thông?

Đáp: Do tai của các trời nghe được các thứ tiếng, như tiếng nói của loài người, loài không phải người, tiếng xa, tiếng gần v.v...

Chữ thông ở đây có nghĩa thế nào? Tức là có trí tuyệt vời đối với các thứ tiếng của tai trời.

- Thế nào là tha tâm thông trí chứng?

Đáp: Nghĩa là đối với tâm có tầm tứ của chúng hữu tình Bồ-đặc-già-la thì đều biết đúng như thật. Như có tâm tham thì biết đúng là tâm tham, tâm đã lìa bỏ tham thì biết đúng là tâm đã lìa bỏ tham. Cũng như thế tâm có sân giận hay lìa bỏ sân giận, tâm có si hay lìa bỏ si, tâm tóm lược, tâm phân tán, tâm đưa xuống, tâm hướng lên, tâm luôn xao động hay không xao động, tâm lặng yên hay không lặng yên, tâm không định hay định, tâm tu hay không tu, tâm giải thoát hay không giải thoát..., đều biết đúng như thật.

Chữ thông ở đây có nghĩa thế nào? Nghĩa là đối với sự biết rõ lòng người thì có trí biết tuyệt diệu.

- Thế nào là Túc trụ trí chứng thông?

Đáp: Nghĩa là có thể nhớ lại được các việc, các kiếp sống đời trước của vô lượng đời quá khứ, hoặc một kiếp hoặc nhiều kiếp..., cho đến như đã rộng nói.

Chữ thông ở đây có nghĩa thế nào? Đối với các việc ở đời trước thì có trí biết thật tuyệt diệu.

- Thế nào sinh tử trí chứng thông? Đáp: Như trước đây đã nói rồi.

- Thế nào lậu tận trí chứng thông?

Đáp: Cũng như trước đây đã rất rõ ràng rộng rãi rồi.

